

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HOÁ
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 146/2023/HS - ST

Ngày: 22- 3- 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TP THANH HÓA, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy

Ông Nguyễn Hồng Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Minh Phương - Thư ký Tòa án TP Thanh Hóa

- Đại diện Viện kiểm sát thành phố T, tham gia phiên tòa:

Bà Lê Thị Kim D - Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 85/2022/TLST-HS ngày 28 tháng 12 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/2023/QĐXXST - HS ngày 06/02/2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T - sinh năm 1972 tại Thanh Hóa. Nơi cư trú: SN 06/506 Q, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 07/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Đình Đ và bà Nguyễn Thị T1; vợ: Nguyễn Thị K và 01 con; Tiền án: năm 1992 bị TAND thị xã Thanh Hóa (nay là thành phố T) xử phạt 06 tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản” (chưa chấp hành án phí), tiền sự: chưa; nhân thân: năm 1993 bị TAND thị xã Thanh Hóa (nay là thành phố T) xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản công dân”, năm 1995 bị TAND tỉnh Thanh Hóa xử phạt 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản công dân”, năm 1998 bị TAND tỉnh Thanh Hóa xử phạt 04 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản công dân”, ngày 06/7/2022 bị TAND thành phố Thanh Hóa xử phạt 18 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, bị cáo hiện đang chấp hành án trong vụ án khác, “có mặt”.

Bị hại: Ông Lê Công Q - sinh năm 1962 “vắng mặt”

Trú tại: Thôn V, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền tiêu xài cá nhân nên Nguyễn Văn T nảy sinh ý định tìm những người hành nghề xe ôm để chiếm đoạt tài sản. Khoảng 08h ngày 27/7/2022, T một mình đi bộ đến khu vực chợ T4 gặp và thuê ông Lê Công Q chở lên thị trấn Y, huyện N để gặp bạn gái là chị Lê Thị P và quay về thành phố T với giá 500.000đ. Ông Q điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX màu đen đỏ, biển kiểm soát 36B6-484.92 chở T lên N. Đến khoảng hơn 14h cùng ngày thì ông Q chở T quay về thành phố. Khi đến khu vực Bệnh viện L1, T nói với ông Q cho mình điều khiển xe. Do đi cả ngày mệt nên ông Q đồng ý đưa xe cho T điều khiển. Đến khoảng 14h35 khi đi đến đoạn đường T, thuộc khu vực phố T, phường Q, thành phố T, quan sát thấy khu vực này vắng người qua lại nên T cố ý đi chậm lại và lấy điện thoại của mình ở túi quần bên trái thả xuống đường, giả vờ đánh rơi. Sau đó, T dừng xe cách vị trí điện thoại khoảng 01m và nói với ông Q “Tôi bị rơi điện thoại, anh xuống nhặt hộ tôi với”. Ông Q xuống xe đi lại chỗ chiếc điện thoại, trong lúc ông Q đang cúi xuống lấy điện thoại thì T bất ngờ tăng ga bỏ chạy, ông Q đuổi theo tri hô nhưng không kịp. Đến chiều tối cùng ngày, T mang xe đến nhà bà Nguyễn Thị S cầm cố lấy 6.000.000đ. Khi cầm cố T nói với bà S là xe của mình, do quen biết nên bà S không hỏi giấy tờ. Số tiền trên T tiêu sài cá nhân hết.

Ngày 22/8/2022, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự TP . xác định chiếc xe mô tô nhãn hiệu Hnda Wave RSX màu đen đỏ, BKS 36B6 648.92 trị giá 12.000.000đ. Ông Q đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm.

Đối với bà Nguyễn Thị S người cho T cầm cố xe nhưng không biết là tài sản do phạm tội mà có nên không có căn cứ để xử lý. Bà S đã nhận lại số tiền 6.000.000đ và không có yêu cầu gì thêm.

Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen của Nguyễn Văn T, Cơ quan điều tra chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự để xử lý theo quy định.

Tại bản cáo trạng số 46/CT-VKS ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thanh Hoá truy tố Nguyễn Văn Tuấn về tội “Cướp giật tài sản” theo khoản 1 Điều 171 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thanh Hoá giữ nguyên quyết định truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 56; Điều 38 Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo từ 24 đến 30 tháng tù. Tokongr

hợp hình phạt với bản án sơ thẩm số 204 ngày 06/7/2022 của Tòa án thành phố T, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án. Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị về vật chứng và án phí.

Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay thống nhất với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người liên quan cùng các tài liệu khác phản ánh trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở chứng minh: Do có mục đích chiếm đoạt nên khoảng 08h ngày 27/7/2022, Nguyễn Văn T đã thuê ông Q chở T từ thành phố T đi huyện N. Nguyễn Văn T có thủ đoạn gian dối là tạo ra sơ hở cách ly người bị hại với tài sản của mình để T nhanh chóng chiếm đoạt tài sản và tẩu thoát. Giá trị tài sản bị cáo cướp giật là 12.000.000đ.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi phạm tội của Nguyễn Văn T có đủ các dấu hiệu cấu thành tội “Cướp giật tài sản”. Tội danh và khung hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 171 của Bộ luật hình sự như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở, đúng pháp luật.

[3] Tính chất vụ án: Bằng thủ đoạn gian dối nhằm để tiếp cận tài sản, bị cáo đã nhanh chóng giật lấy tài sản của người bị hại một cách công khai rồi tẩu thoát. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện sự liều lĩnh, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân, gây mất trật tự trị an chung, cần phải xử lý nghiêm minh.

[4] Nhân thân và trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Bị cáo có nhân thân xấu, đã bị các cơ quan pháp luật cải tạo, giáo dục nhiều lần nhưng không chịu cải sửa mà vẫn tiếp tục phạm tội. Với tính chất nghiêm trọng của vụ án, mức độ hành vi phạm tội thì việc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian là cần thiết để cải tạo, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Do bị cáo bị cáo đã

có 01 tiền án chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Khi áp dụng hành phạt cần xem xét để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo vì tại các cơ quan pháp luật bị cáo thành khẩn khai báo; gia đình bị cáo đã bồi thường cho bà S và người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Căn cứ điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tổng hợp hình phạt của bản án này với bản án số 204/2022/HS-ST ngày 06/7/2022 Tòa án thành phố T, tỉnh Thanh Hóa để buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Ông Lê Công Q đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không yêu cầu bồi thường gì thêm nên công nhận phần dân sự giữa bị cáo và ông Q đã được giải quyết xong.

[6] *Về vật chứng*: Đối với chiếc điện thoại N màu đen không có sim thu của bị cáo. Chiếc điện thoại trên bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu nộp ngân sách nhà nước. Căn cứ khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016 của Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự. Khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết 326 của Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Cướp giạt tài sản”

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T 24 (hai bốn) tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 18 tháng tù của bản án số 204/2022/HSST ngày 06/7/2022 của TAND thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 42 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06/9/2022.

Về trách nhiệm dân sự: Công nhận phần dân sự giữa bị cáo và ông Q đã được giải quyết xong.

Về vật chứng: Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 chiếc điện thoại Nokia màu đen, đã cũ không kiểm tra chất lượng bên trong. Chiếc điện thoại trên hiện đang hiện đang tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa theo biên bản giao nhận vật chứng số 46/2023/THA ngày 27/12/2022).

Án phí: Bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án đối với khoản tiền án phí theo quy định tại các Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM.
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người tham gia TT khác
- VKSND TPTH;
- Công an TPTH;
- TAND tỉnh TH
- VKD ND tỉnh T
- Lưu hồ sơ.

Trần Thị Thủy